

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đại học văn bằng 2 hệ vừa làm vừa học năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-Ttg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-ĐHNH ngày 01/02/2023 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-ĐHNH ngày 03/4/2025 về việc Thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký và Ban thanh tra tuyển sinh đại học, đại học văn bằng 2 hệ vừa làm vừa học năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM;

Căn cứ Biên bản họp xét tuyển ngày 09/7/2025 của Hội đồng tuyển sinh đại học văn bằng 2 hệ VLVH năm 2025 và theo đề nghị của thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách **88** thí sinh trúng tuyển đại học văn bằng 2 hệ vừa làm vừa học năm 2025 của trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh. Ngành Ngôn ngữ Anh: **57** thí sinh; ngành Luật kinh tế: **31** thí sinh.

(Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển làm thủ tục đăng ký nhập học theo thông báo đúng thời hạn quy định của Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

Điều 3. Các Ông/Bà Chánh văn phòng, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- NHNN VN (để báo cáo);
- Lưu VP, P. QLĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HĐQT



PGS. TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2025**

NHS - Trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM

(Theo Quyết định công nhận danh sách trúng tuyển số: 2626/QĐ-ĐHNH, ngày 10/7/2025 của Chủ tịch HĐTS Trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM)

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ngành học	Tốt nghiệp đại học	Ngành đã tốt nghiệp đại học	Điểm TBTK		Ghi chú
								Hệ 10	Hệ 4	
1	Bùi Quang Hải	Anh	02/09/1995	Nữ	Luật kinh tế	ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP.HCM	Nhân học	7,21		
2	Võ Nhật	Anh	15/03/1986	Nam	Luật kinh tế	ĐH Quốc Gia TP.HCM	Kế toán - Kiểm toán	6,52		
3	Hồ Ngọc	Ân	30/10/1981	Nam	Luật kinh tế	ĐH sư phạm kỹ thuật TP.HCM	Điện khí hóa và cung cấp điện	6,36		
4	Trần Nguyên	Chương	11/05/1999	Nam	Luật kinh tế	Học viện cán bộ TP.HCM	Công tác xã hội	6,82		
5	Đỗ Phạm Tuấn	Dũng	06/08/1992	Nam	Luật kinh tế	ĐH Tài chính - Marketing	Quản trị kinh doanh	7,20		
6	Kao Dực	Đình	20/03/1997	Nam	Luật kinh tế	ĐH Tamkang, Đài Loan (Trung Quốc)	Quản trị kinh doanh	8,56		
7	Nguyễn Thị	Hà	04/02/1981	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Sư phạm TP.HCM	Ngữ văn	7,04		
8	Phan Thị Thanh	Hà	06/07/1986	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Ngân hàng TP. HCM	Tài chính - Ngân hàng	6,68		
9	Trần Thị Diệu	Hiền	06/12/2001	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Ngân hàng TP. HCM	Tài chính - Ngân hàng	8,92		
10	Lê Đức	Hiển	10/06/1991	Nam	Luật kinh tế	Học viện Bưu chính viễn thông	Quản trị doanh nghiệp	6,97		
11	Phạm Lê Xuân	Hiếu	22/11/1997	Nam	Luật kinh tế	ĐH Cửu Long	Ngôn ngữ Anh	8,65	3,46	
12	Nguyễn Thanh	Huy	08/10/1997	Nam	Luật kinh tế	Học viện hành chính Quốc gia TP.HCM	Quản lý nhà nước	6,75		
13	Đinh Hoa	Lê	10/01/2001	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Ngân hàng TP. HCM	Tài chính - Ngân hàng	7,52		
14	Trần Vĩnh Kim	Long	29/11/1988	Nam	Luật kinh tế	ĐH Kiến trúc TP.HCM	Kiến trúc	5,98		
15	Trần Huyền	Ly	09/10/1999	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Ngân hàng TP. HCM	Quản trị kinh doanh	6,89		
16	Đào Thu	Ngân	24/05/2000	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM (Liên kết ĐT)	Kinh doanh quốc tế	6,36		
17	Trần Thị Bảo	Ngân	14/02/1995	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Kinh tế TP.HCM	Quản lý nguồn nhân lực	7,50		
18	Nguyễn Thị Tuyết	Nghi	27/09/1995	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Khoa học Tự nhiên TP.HCM	Sinh học	7,11		
19	Đặng Thị Kiều	Oanh	30/12/1977	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Kinh tế TP.HCM	Quản trị kinh doanh	5,92		
20	Nguyễn Chí	Tâm	15/04/2002	Nam	Luật kinh tế	ĐH Kinh tế - Tài chính TP.HCM	Marketing	7,06		
21	Phạm Thủy	Tiên	26/08/1994	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Khoa học, ĐH Huế	Báo chí	7,08		
22	Trần Minh	Tiến	25/03/1999	Nam	Luật kinh tế	ĐH Bách Khoa TP.HCM	Kỹ thuật cơ điện tử	7,46		
23	Trương Lệ	Thu	07/12/1988	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Ngân hàng TP. HCM	Tài chính - Ngân hàng	6,89		
24	Nguyễn Phước	Thừa	02/08/1990	Nam	Luật kinh tế	ĐH Công nghệ TP.HCM	Kỹ thuật điện, điện tử	5,65	2,26	
25	Nguyễn Thị	Thương	10/04/1990	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Mở Hà Nội	Kế toán	6,28		
26	Nguyễn Huyền	Trang	09/07/1993	Nữ	Luật kinh tế	Học viện báo chí và tuyên truyền	Chính trị học	7,52		
27	Lê Trịnh Mai	Trâm	01/02/1998	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM	Marketing	7,55		
28	Phạm Thị Bích	Trâm	25/02/1989	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Kinh tế, ĐH Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	6,08		
29	Nguyễn Văn	Trung	04/09/1993	Nam	Luật kinh tế	ĐH Ngân hàng TP. HCM	Tài chính - Ngân hàng	6,80		

Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ngành học	Tốt nghiệp đại học	Ngành đã tốt nghiệp đại học	Điểm TBTK		Ghi chú
								Hệ 10	Hệ 4	
30	Lưu Hải	Yến	12/08/1984	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Mở Hà Nội	Quản trị kinh doanh	7,08	2,83	
31	Phan Thị Hải	Yến	03/05/2001	Nữ	Luật kinh tế	ĐH Tài chính - Marketing	Quản trị kinh doanh	6,73	2,69	
32	Nguyễn Ngọc Trường	An	28/12/1999	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Cửu Long	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8,53	3,41	
33	Trần Ngọc	Anh	05/10/1986	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Nông lâm TP.HCM	Kế toán	7,07		
34	Lương Ngọc	Bích	02/09/1994	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại	7,02		
35	Đặng Thị Thùy	Bình	19/01/1998	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Tôn Đức Thắng	Luật kinh tế	7,11		
36	Dương Ngọc	Cầm	11/08/1976	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Mở TP.HCM	Quản trị kinh doanh	6,85		
37	Mai Hồng	Chi	28/08/1986	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Quốc gia TP.HCM - Khoa kinh tế	Kế toán - Kiểm toán	7,68		
38	Lê Thị	Diên	13/05/1983	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Xây dựng	Kỹ sư kinh tế xây dựng	7,01		
39	Phạm Thị Linh	Diệu	12/09/2000	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Công nghệ TP.HCM	Luật kinh tế	8,65	3,46	
40	Triệu Thanh	Duy	03/09/1995	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kế toán	6,91		
41	Nguyễn Thảo	Duyên	12/11/2001	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Y Dược TP.HCM	Điều dưỡng - Gây mê hồi sức	7,30		
42	Lại Hoàng Quỳnh	Giang	20/10/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng	7,46		
43	Nguyễn Dương Huyền	Hải	01/06/1999	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM	Ngôn ngữ học	6,95		
44	Nguyễn Thị	Hạnh	25/04/1982	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Khoa học xã hội và nhân văn TP.HCM	Lưu trữ - quản trị văn phòng	6,65		
45	Đinh Ngọc	Hân	01/06/1993	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng	7,92		
46	Trần Hoàng	Hân	10/12/1999	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Sài Gòn	Giáo dục mầm non	7,57		
47	Lý Thị Mỹ	Hiệp	14/12/1983	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Luật TP.HCM	Luật	5,89		
48	Nguyễn Thái	Học	10/08/1991	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Nha Trang	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6,71		
49	Đỗ Thị Bé	Hồng	14/01/1997	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kinh tế Luật TPHCM	Kinh doanh quốc tế	8,02		
50	Nguyễn Thị	Hương	28/04/1990	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kiến trúc Đà Nẵng	Kỹ thuật hạ tầng đô thị	7,71		
51	Nguyễn Duy	Khang	05/01/1998	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kinh tế	6,63	2,65	
52	Rah Lan H'Ly	La	24/08/1995	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kinh tế - Luật TP.HCM	Luật	7,07		
53	Trần Thị Mỹ	Linh	04/04/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng	7,96		
54	Trần Thị Mỹ	Lua	12/12/1992	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Công nghiệp TP.HCM	Quản trị kinh doanh	8,60		
55	Nguyễn Ngọc	Minh	08/01/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Tôn Đức Thắng	Quản trị kinh doanh	7,28		
56	Nguyễn Thị Trà	My	20/09/2001	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	Kế toán	8,08		
57	Lê Thị	Nga	02/08/1992	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Công nghệ TP.HCM	Kế toán	8,15	3,26	
58	Trần Thị Thanh	Nga	12/11/1995	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kinh tế - Luật TP.HCM	Luật	7,22		
59	Trần Thị Kim	Ngân	31/03/1998	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Nông lâm TP.HCM	Kỹ thuật môi trường	6,95		
60	Hồ Thị Hồng	Ngọc	18/05/1995	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Tài chính - Marketing	Kế toán	5,53	2,21	
61	Nguyễn Thị Bích	Nguyên	20/05/1985	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Đà Lạt	Công nghệ thông tin	6,61		
62	Chu Trần Minh	Nguyệt	09/02/1990	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	Ngân hàng quốc tế	8,03		



Số TT	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Ngành học	Tốt nghiệp đại học	Ngành đã tốt nghiệp đại học	Điểm TBTK		Ghi chú
								Hệ 10	Hệ 4	
63	Đào Thị Ý	Nhi	15/03/1994	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Công nghiệp TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng	7,30		
64	Lê Thị Hồng	Nhung	12/01/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Tôn Đức Thắng	Xã hội học	7,00		
65	Trần Thị	Nhung	16/11/1998	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Huế	Quản trị kinh doanh	7,80		
66	Văn Sơn Hoa	Như	12/06/1985	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kinh tế TP.HCM	Quản trị kinh doanh	6,58		
67	Võ Đại	Phúc	02/03/1991	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	Luật kinh tế	7,49		
68	Huỳnh Tấn	Phục	27/05/1986	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng	6,49		
69	Phạm Thị Thu	Phương	10/02/2001	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Nông lâm TP.HCM	Kế toán	7,59		
70	Nguyễn Song	Quỳnh	14/04/2003	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kế toán	8,55	3,42	
71	Nguyễn Bảo	Son	07/10/1991	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng	6,79		
72	Phan Nguyễn Thành	Tâm	18/11/2000	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Y Dược TP.HCM	Y học cổ truyền	7,13	2,85	
73	Võ Thị Tuyền	Tới	21/12/1989	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Thương mại	Kế toán	6,33	2,53	
74	Lê Quốc	Thái	06/01/2001	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Công nghệ TP.HCM	Quản trị kinh doanh	7,38	2,95	
75	Lê Hoài	Thanh	21/07/1983	Nam	Ngôn ngữ Anh	ĐH Mỏ TP.HCM	Luật kinh tế	5,79		
76	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	29/01/2001	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Giao thông vận tải	Kinh tế xây dựng	7,68		
77	Phan Ngọc Thanh	Thảo	24/06/1989	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Tôn Đức Thắng	Việt Nam học	7,07		
78	Phạm Thị	Thuận	03/08/1995	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Sài Gòn	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7,62		
79	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/10/1984	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Khoa học Tự nhiên TP.HCM	Sinh học	7,06		
80	Hồ Vũ Anh	Thư	06/08/2000	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Ngân hàng TP.HCM	Kinh tế quốc tế	7,48		
81	Lê Thị Xuân	Trang	01/01/1999	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Giao thông vận tải	Kế toán	8,77		
82	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	08/09/1986	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kinh tế TP.HCM	Kế toán	6,54		
83	Nguyễn Bá Doan	Trình	04/06/2002	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Khoa học Tự nhiên TP.HCM	Kỹ thuật hạt nhân	8,01		
84	Nguyễn Thị	Uyên	30/12/1994	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Quy Nhơn	Sư phạm Vật lý	6,63		
85	Nguyễn Thị Thùy	Vân	11/11/1998	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Luật TP.HCM	Luật thương mại	7,25		
86	Nguyễn Tường	Vi	19/12/1992	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Kinh tế - Luật TP.HCM	Kinh tế và quản lý công	7,19		
87	Trần Tường	Vi	13/12/1999	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Thủ Dầu Một	Quản lý tài nguyên và môi trường	7,47		
88	Trương Tường	Vi	13/03/2001	Nữ	Ngôn ngữ Anh	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	Kinh doanh quốc tế	8,20		

Tổng số: 88 thí sinh (ngành Ngôn ngữ Anh: 57 thí sinh, ngành Luật kinh tế: 31 thí sinh).